

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22829804] - Thí nghiệm đo lường
điện và khí cụ điện (CCQ2205D)
CBGD: Nguyễn Thị Hạnh (280025)

Số SV có mặt: 20
Số bài thi: 20
Số tờ giấy thi: 20

Hau N.T.Hanh Ngô Đình Khôi
Hau N.T.Hanh Ngô Đình Khôi

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050117	Nguyễn Văn	Chương	16/12/2004	CCQ2205D		Thao	7.3	6.0	6.5
2	2122050127	Nguyễn Ngọc	Đức	13/03/2004	CCQ2205D		Đ	8.5	9.0	8.8
3	2122050128	Nguyễn Xuân	Dương	01/01/2004	CCQ2205D		Đ	6.3	6.0	6.1
4	2122170390	Nguyễn Trần Đức	Hy	25/07/2004	CCQ2205D		Hy	6.8	6.5	6.6
5	2122050013	Trần Gia	Lâm	26/08/2004	CCQ2205D		Đ	9.0	9.0	9.0
6	2122050071	Nguyễn Công	Lập	02/09/2004	CCQ2205C		Đ	7.5	6.0	6.6
7	2122170394	Lê Văn	Lưu	26/07/2004	CCQ2205D		Lưu	7.5	6.5	6.9
8	2122220028	Trần Huỳnh	Mãnh	19/08/2004	CCQ2205D		MĐ	7.3	6.5	6.8
9	2122170387	Võ Xuân	Minh	05/08/2004	CCQ2205D		Chinh	6.8	6.5	6.6
10	2122050106	Dương Thành	Nguyên	16/02/2004	CCQ2205D		Nguyên	7.8	7.5	7.6
11	2122050068	Nguyễn Hữu	Phát	19/02/2003	CCQ2205B		Đ	7.5	7.0	7.2
12	2122050148	Nguyễn Minh	Phúc	14/07/2004	CCQ2205C		phúc	5.0	5.0	5.0
13	2122050107	Lê Thanh	Thái	24/07/2002	CCQ2205D		Thái	6.8	6.5	6.6
14	2122180045	Trương Lương Nguyễn	Thành	13/11/2004	CCQ2205D		Đ	8.5	9.0	8.8
15	2122170536	Đào Huỳnh Xuân	Thiện	21/08/2004	CCQ2205D		Đ	5.5	5.0	5.2
16	2122050124	Võ Đức	Thịnh	12/12/2004	CCQ2205D		Thịnh	7.0	7.0	7.0
17	2122170537	Phan Trần Phước	Tiến	29/08/2004	CCQ2205D		Đ	5.8	5.5	5.6
18	2122050126	Lê Thành	Trung	29/10/2004	CCQ2205D		Đ	7.5	7.0	7.2
19	2122050105	Nguyễn Quốc	Việt	11/03/2004	CCQ2205D		Việt	8.0	8.0	8.0
20	2122050103	Trần Anh	Vũ	08/05/2004	CCQ2205D		Đ	7.3	7.5	7.4

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22829803] - Thí nghiệm đo lường
điện và khí cụ điện (CCQ2205C)

CBGD: Nguyễn Thị Hạnh (280025)

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

Hà Nội
Nguyễn Đình Khôi
Hà Nội
Nguyễn Đình Khôi

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050122	Nguyễn Chí An	15/11/2004	CCQ2205D		An	6.8	6.5	6.6
2	2122050038	Phạm Thanh Diễm	05/05/2004	CCQ2205B		Diễm	6.0	5.0	5.4
3	2122050087	Lê Việt Đông	17/02/2004	CCQ2205C		Đông	7.8	8.0	7.9
4	2122050142	Dương Văn Dũng	15/12/2001	CCQ2205C		Dũng	5.3	5.0	5.1
5	2122050042	Trần Lê Nhật Duy	06/11/2004	CCQ2205B		Duy	7.3	7.0	7.1
6	2122050139	Võ Văn Hùng	23/01/2004	CCQ2205C		Hùng	5.5	5.0	5.2
7	2122050083	Nguyễn Duy Khánh	30/11/2004	CCQ2205C		Khánh	7.3	7.0	7.1
8	2122050086	Trần Đăng Khoa	01/01/2004	CCQ2205C		Khoa	7.3	7.0	7.1
9	2122050133	Đỗ Văn Ngọc Lưu	20/01/2004	CCQ2205D		Lưu	5.3	5.5	5.4
10	2122050067	Nguyễn Tấn Gia Nguyên	30/04/2004	CCQ2205B		Nguyên	6.8	6.0	6.3
11	2122050076	Lương Văn Nhân	20/02/2004	CCQ2205C		Nhân	5.0	5.0	5.0
12	2122050049	Đặng Minh Quân	17/06/2004	CCQ2205B		Quân	5.5	6.0	5.8
13	2122050121	Lê Đình Sơn	07/04/2004	CCQ2205A		Sơn	6.5	7.0	6.8
14	2122050051	Tô Đình Thành	18/06/2004	CCQ2205B		Thành	7.0	6.8	6.7
15	2122050061	Huỳnh Quốc Thịnh	03/07/2004	CCQ2205B		Thịnh	7.5	7.5	7.5
16	2122050147	Huỳnh Văn Thuận	26/05/2003	CCQ2205C		Thuận	5.0	5.0	5.0
17	2122050074	Nguyễn Hữu Trọng	29/06/2003	CCQ2205C		Trọng	5.5	5.0	5.2
18	2122050085	Nguyễn Thành Trung	22/11/2004	CCQ2205C		Trung	7.0	6.8	6.7
19	2122050114	Nguyễn Văn Trường	08/03/2004	CCQ2205B		Trường	5.8	5.5	5.6
20	2122110207	Nguyễn Trí Tuấn Vũ	14/03/2004	CCQ2205B		Tuấn	5.3	5.0	5.1